

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động mà các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên duy trì, bao gồm:

a) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Tỷ lệ này không áp dụng đối với ngân hàng, <[chi nhánh](#)> ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng **Sword** Nhà nước <Việt Nam> quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (sau đây gọi là Thông tư 41/2016/TT-NHNN);

b) Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng;

c) Tỷ lệ khả năng chi trả;

d) Tỷ lệ tối đa của nguồn **vốn ngắn hạn** được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;

đ) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;

e) Giới hạn góp vốn, mua cổ phần;

g) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi.

2. Căn cứ kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn chặt chẽ hơn so với các mức quy định tại Thông tư này.

3. Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt thực hiện các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Điều 146đ Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

4. Ngân hàng hỗ trợ theo phương án phục hồi đã được phê duyệt, thực hiện tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại khoản 8 Điều 148đ Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).



5. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia tài trợ các chương trình, dự án theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc xem xét nguồn vốn, dư nợ của từng chương trình, dự án khi xác định giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn thực hiện theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- khi làm thủ tục ban hành văn bản cho đơn vị (cấp số, ngày tháng, vào sổ đăng ký văn bản).

9. GIẢI THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

TGD	: Tổng Giám đốc
HĐQT	: Hội đồng quản trị.
TLHĐQT	: Ban trợ lý Hội đồng quản trị.
PC/Legal	: Tư vấn pháp luật thuộc Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế
COM	: Tuân thủ thuộc Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế
RRHĐ	: Rủi ro hoạt động thuộc Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế.
QM	: Quản lý & Cải tiến chất lượng thuộc Khối Vận hành và Công nghệ.
HCVP	: Hành chính văn phòng thuộc Khối Dịch vụ Nội bộ
TP (Translation Pool)	: Nhóm Phiên dịch trực thuộc Khối Dịch vụ Nội bộ.

Trách nhiệm các bộ phận

STT	Đơn vị	Vai trò	Trách nhiệm của đơn vị
-----	--------	---------	------------------------

